



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

Prevention and Handling of Juvenile Delinquency: From Criminological Theories to Contemporary Juvenile Justice Trends in Vietnam

Nguyen Khac Hai*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 8th November 2025

Revised 25th November 2025; Accepted 20th December 2025

Abstract: This article examines the theoretical and practical foundations for preventing and handling juvenile delinquency, based on key criminological theories, including social disorganization and strain, differential association, social learning, social control, and labeling. It identifies legitimate needs, risk factors, and mechanisms of delinquent behavior. The study evaluates the evolution of juvenile justice, from welfare-and-justice-oriented approaches to a modern hybrid model centered on the “best interests of the child” and the concept of “evolving capacities”. In Vietnam, the Juvenile Justice Act 2024 marks a significant reform, emphasizing restorative justice, reintegration, and decriminalization. The conclusion highlights the importance of early intervention and social development programs for effective juvenile delinquency prevention.

Keywords: juvenile delinquency, juvenile crime prevention, criminological theories, juvenile justice, Juvenile Justice Act 2024, restorative justice, evolving capacities of the child

* Corresponding author.

E-mail address: vnucriminology@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4832>

Phòng ngừa và xử lý người chưa thành niên phạm tội: Từ học thuyết tội phạm học đến xu hướng tư pháp hiện đại ở Việt Nam

Nguyễn Khắc Hải*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 8 tháng 11 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ sở lý luận phòng ngừa và xử lý người chưa thành niên phạm tội, dựa trên các học thuyết tội phạm học tiêu biểu (vô tổ chức và căng thẳng, nhóm khác biệt, học hỏi xã hội, kiểm soát xã hội, gắn nhãn). Tác giả làm rõ nhu cầu chính đáng, yếu tố nguy cơ và cơ chế hình thành hành vi phạm tội. Từ đó, đánh giá chuyển dịch hệ thống tư pháp người chưa thành niên: từ mô hình phúc lợi và công lý sang mô hình hỗn hợp hiện đại, lấy “lợi ích tốt nhất của trẻ em” và “năng lực phát triển dần dần” làm trọng tâm. Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 đánh dấu bước tiến, ưu tiên phục hồi, tái hòa nhập và giảm hình sự hóa. Kết luận nhấn mạnh đầu tư can thiệp sớm, phát triển xã hội để phòng ngừa hiệu quả.

Từ khóa: người chưa thành niên phạm tội, phòng ngừa tội phạm do người thành niên thực hiện, học thuyết tội phạm học, tư pháp người chưa thành niên, Luật Tư pháp người chưa thành niên, phục hồi và tái hòa nhập, năng lực phát triển dần dần của trẻ em.

Nhóm người chưa thành niên là một nhóm đặc thù, độc lập với những người đã thành niên. Tính đặc trưng vốn có của người chưa thành niên nằm ở các yếu tố sinh học bị hạn chế, chịu tác động một cách bị động từ xã hội, bị hạn chế các nhu cầu chính đáng và chứa đựng một số nguy cơ tiềm tàng. Chính điều này cho thấy các biện pháp phòng ngừa và xử lý người chưa thành niên phạm tội cần phải làm rõ được bản chất của các biện pháp này là gì và cần hướng tới điều gì. Do vậy, cần làm rõ các nhu cầu bị hạn chế và những nguy cơ chứa đựng sẵn trong những người chưa thành niên phạm tội để có giải pháp khắc phục. Những giả thuyết kết nối các nhu cầu chính đáng, những nguy cơ tiềm tàng với hành vi phạm tội đã được thực chứng thành các học thuyết tiêu biểu và là những điều cần nghiên cứu để làm cơ

sở nhằm thiết kế các biện pháp can thiệp dành riêng cho người chưa thành niên, trong đó có cả hình phạt với tư cách là biện pháp sau cùng.

1. Nhận diện việc phòng ngừa và biện pháp xử lý người chưa thành niên phạm tội

Phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên thực hiện bao gồm các chiến lược và biện pháp nhằm khắc phục nguy cơ xảy ra tội phạm và những tác động có hại của chúng đối với cá nhân và xã hội, bằng cách can thiệp để tác động đến tổ hợp các nguyên nhân của chúng. Phòng ngừa chủ động gồm các chương trình can thiệp sớm nhằm giảm thiểu tội phạm phát sinh. Bên cạnh đó, phòng ngừa bị động được kích hoạt khi

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: vnucriminology@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4832>

tội phạm đã xảy ra thông qua sự can thiệp mang tính ngăn chặn, khắc phục hậu quả, phục hồi và tái hoà nhập xã hội cho người chưa thành niên. Một trong những sự thể hiện của phòng ngừa bị động chính là hình phạt - một biện pháp can thiệp mạnh mẽ được áp dụng khi hành vi phạm tội ở mức độ gây thiệt hại cho xã hội đặc biệt cao.

Các biện pháp phòng ngừa rất nhiều nhưng do nguồn lực về nhân sự và tài chính, năng lực khoa học, công nghệ cũng như các yếu tố khác như nhận thức, thói quen và thậm chí là chính trị nên việc lựa chọn các chiến lược sẽ khá khó khăn trong một số trường hợp.

Phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên thực hiện cần phải rõ ràng, cụ thể, hướng tới những mục đích nhất định với các hoạt động, chương trình can thiệp được lên kế hoạch. Có thể gặp khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề xã hội thông qua việc xử lý các nguyên nhân gốc rễ của hành vi phạm tội và như vậy rõ ràng sẽ góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Nhưng có thể đặt vấn đề liệu các kỹ năng chăm sóc con cái tích cực và giáo dục mẫu giáo (hai cách quan trọng để giảm khả năng phạm tội và các hành vi lệch chuẩn trong tương lai) là phòng ngừa tội phạm? Liệu cảnh sát và nhà tù có được coi là thiết chế phòng ngừa tội phạm? Chiến lược phòng ngừa tội phạm về cơ bản khác với cách tiếp cận truyền thống của tư pháp hình sự. Tuy nhiên cả cảnh sát và hệ thống hình phạt có thể phòng ngừa tội phạm bằng cách bắt giữ những người phạm tội và giam giữ họ nhằm ngăn họ tiếp tục phạm tội trong tương lai. Trong xã hội nhiều biến động ngày nay, cảnh sát không chỉ sử dụng các biện pháp truyền thống mà ngày càng hợp nhất các phương thức phòng ngừa dựa trên nền tảng cộng đồng và các nguyên tắc kiểm soát có định hướng rõ tình hình.

Người chưa thành niên khi thực hiện những hành vi phạm tội chịu nhiều tác động một cách khách quan từ môi trường xã hội xung quanh. Thậm chí nếu xét từ các yếu tố chủ quan bên trong thuộc về mỗi đứa trẻ thì chúng có thể xuất phát từ những khiếm khuyết về mặt thể chất do chưa phát triển đầy đủ như người trưởng thành. Bất kỳ sự phản ứng, sự can thiệp nào đối với hành vi phạm tội của người chưa thành niên mà

xâm phạm quyền tự do của cá nhân đó thì đều có thể được coi là một hình phạt. Nếu hình phạt được thiết kế mà hạ thấp nhân phẩm của người đó thì nó có thể sẽ tạo ra sự phẫn nộ và có thể phản tác dụng. Nếu nó được thiết kế để tạo điều kiện phát triển năng lực, giúp khắc phục các nguy cơ tiềm ẩn thì nó có thể có tác động tích cực đến cá nhân người đó. Do những đặc thù về độ tuổi và khả năng phát triển tâm – sinh lý của người chưa thành niên, việc áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với nhóm chủ thể này cần được hạn chế. Về nguyên tắc, số lượng các trường hợp người chưa thành niên bị chuyển vào hệ thống tư pháp hình sự càng ít thì hiệu quả bảo vệ và giáo dục càng cao. Thay vào đó, cần tăng cường thiết kế các chương trình nhằm phát triển thanh thiếu niên một cách tích cực. Điều quan trọng là trẻ em sẽ trở thành mẫu người trưởng thành như thế nào. Đồng thời, chúng ta muốn những người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm về hành động của mình bằng cách giúp đỡ nạn nhân của họ.

Trong trường hợp cuối cùng cần phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên, chúng cần hướng tới sự can thiệp, tham gia để giải quyết những vấn đề gốc rễ của tội phạm, đặc biệt đối với những nguy cơ của trẻ em và thanh thiếu niên. Cũng được biết đến là công cụ để ngăn ngừa tội phạm thông qua giải quyết những vấn đề xã hội hoặc có thể nói là phòng ngừa hiện tượng tội phạm trong xã hội, hình phạt cần góp phần thay thế hay giảm thiểu những yếu tố có nguy cơ phạm tội của người chưa thành niên trong tương lai, nhằm ngăn ngừa khuynh hướng gia tăng tội phạm do những người này thực hiện.

Việc mất đi hoặc giảm đáng kể những nhu cầu chính đáng của người chưa thành niên và sự xuất hiện của các yếu tố nguy cơ đối với họ chính là những nhân tố tiềm tàng tạo nên hiện tượng tội phạm của nhóm người này. Những yếu tố này sẽ lần lượt được phân tích chi tiết dưới đây:

a) Những nhu cầu chính đáng

Người chưa thành niên cần được khuyến khích tự chịu trách nhiệm cho cuộc sống của mình [1]. Những gì một người thanh thiếu niên

cần để có thể sống một cuộc sống không dính dáng đến tội phạm là [2]: 1) Những người chưa thành niên cần thêm các cơ hội và trách nhiệm đi cùng với các quyền lợi được hưởng; 2) Họ cần được giáo dục tốt; 3) Nhóm này cần được cảm thấy hữu dụng, được ghi nhận và có giá trị; 4) Nhóm này cần có các hoạt động giàu ý nghĩa; 5) Họ cần sự công bằng, minh bạch, thống nhất và nhận lại được các thu hoạch có ý nghĩa cho những biểu hiện của mình; 6) Nhóm trẻ này cần được sống một cuộc sống không bị lạm dụng; 7) Họ cần những sự hỗ trợ cả về mặt thể chất lẫn tinh cảm; 8) Họ cũng cần được giải thoát khỏi mọi hình thức tổn hại; 9) Người chưa thành niên cần các thông tin chính xác và hoàn thiện; 10) Họ cần một hình mẫu tích cực; 11) Những người này cần biểu đạt những gì xảy ra với họ; 12) Nhóm người này cần có một cơ hội để trở thành một phần của giải pháp.

b) Những yếu tố nguy cơ

Cần thiết sự can thiệp sớm nhất có thể khi vấn đề cá nhân và môi trường xã hội trở lên rõ ràng và bởi vì tiềm tàng những yếu tố nguy cơ trong suốt 15 năm đầu đời hoặc cả đời. Sự đánh giá, ngăn ngừa hay xử lý những yếu tố có nguy cơ phải được ưu tiên nhận diện sớm. Các chương trình can thiệp dựa trên sự phát triển xã hội dành cho giới trẻ có thể được phân hạng như sau: 1) các biện pháp phòng ngừa có mục tiêu trực tiếp hướng tới cá nhân có nguy cơ (gia sư, cố vấn, đào tạo kỹ năng xã hội, chương trình giải trí,...) và 2) các biện pháp phòng ngừa có mục tiêu gián tiếp tới cá nhân có nguy cơ (tiếp thêm nguồn sức mạnh bằng những chủ thể quan trọng như gia đình, nhà trường và cộng đồng).

Sự can thiệp trực tiếp một cách có mục đích có lẽ là những ví dụ sinh động nhất của chiến lược xây dựng sự tự phục hồi, những thứ được kế thừa từ “những yếu tố tích cực”. Một số tác động của sự can thiệp có mục tiêu trực tiếp hướng tới thanh thiếu niên có nguy cơ là: 1) tự duy phê phán, năng lực xã hội, đào tạo kỹ năng sống; 2) nhận thức hành vi và liệu pháp chữa bệnh; 3) sự cố vấn; 4) giáo dục và trường học; 5) trò tiêu khiển và hoạt động lúc rảnh rỗi.

Những nghiên cứu về tội phạm học phát triển và nghiên cứu theo chiều dọc về sự nghiệp phạm

tội cho thấy “phạm tội là một phần của một hội chứng lớn hơn của hành vi phản xã hội, khởi đầu ở thời thơ ấu và có xu hướng gắn liền với thời trưởng thành”. Nghiên cứu thể hiện rằng người phạm tội vị thành niên khác người không phạm tội ở nhiều phương diện, bao gồm sự giáo dục của họ và kết quả các đặc điểm về nhận thức, hành vi và tâm lý [3]. Nó giả định rằng hành vi phạm tội trong tương lai có thể được dự đoán bởi việc xác định mức độ các yếu tố nguy cơ của những đứa trẻ hay những thanh thiếu niên. Từ khía cạnh tội phạm học, yếu tố nguy cơ được cho là yếu tố tiên quyết tăng nguy cơ diễn ra sự tấn công, tần suất của sự phạm tội. Nghiên cứu của nhiều quốc gia thể hiện rằng nhiều yếu tố nguy cơ cho việc phạm tội như được thiết lập và có sự lặp lại. Bằng nhiều ví dụ, trong đó có tóm lược hai khảo sát dài hạn tại London và Pittsburgh [4] đã tiết lộ nhiều dự đoán cá nhân và môi trường xã hội của hành vi phạm tội qua thời gian và địa điểm bao gồm động cơ, vấn đề đáng lưu tâm, sự hiểu biết và ảnh hưởng của sự giáo dục kém, sự giám sát của phụ huynh, xung đột gia đình, cha mẹ có tư tưởng phản xã hội, mẹ sinh con khi còn vị thành niên, nghèo đói và một gia đình rối loạn chức năng [5].

Khả năng trở thành một người phạm tội ở độ tuổi thanh thiếu niên thường tăng với các yếu tố nguy cơ thể hiện trong cuộc sống của đứa trẻ và thanh thiếu niên, không phân biệt những nguy cơ đặc biệt có hiện diện [6]. Với tầm quan trọng như vậy, trong tương lai các yếu tố nguy cơ có thể đưa đến quyết định phạm tội được cá nhân hóa cao. Mặc dù một vài yếu tố nguy cơ nguy hại thường xuất hiện ở những người trẻ tuổi, nhưng khuôn mẫu và sự liên kết đặc thù của yếu tố nguy cơ thay đổi ở các đứa trẻ khác nhau. Yếu tố nguy cơ là đa dạng và thay đổi dựa trên tuổi hay mức độ phát triển của cá nhân [7]. Ví dụ, thời gian đầu cuộc sống của đứa trẻ, các yếu tố nguy cơ gây bất lợi từ yếu tố cá nhân (như bị biến chứng khi sinh, hiểu động thái quá,...) và yếu tố gia đình (cha mẹ có hành vi chống đối xã hội hay phạm tội, nuôi dạy sơ sài). Khi những đứa trẻ lớn hơn, những yếu tố nguy cơ mới liên quan đến môi trường xã hội của họ như gia đình, cộng đồng, trường học, ảnh hưởng bên ngoài và

phương tiện truyền thông bắt đầu giữ vai trò lớn hơn.

Nhìn chung, các yếu tố nguy cơ về hành vi phạm tội và vi phạm có thể được phân loại thành hai nhóm lớn:

1. Môi trường xã hội: yếu tố nguy cơ được tạo bởi môi trường xã hội bất lợi bao quanh một cá nhân hay một nhóm. Các yếu tố nguy cơ từ gia đình nhìn chung là có ảnh hưởng đến tất cả các yếu tố nguy cơ ngoài xã hội.

2. Cá nhân: Nhận thức/học vấn, hành vi, tâm lý, và yếu tố tâm lý có thể hoặc không thể bị ảnh hưởng bởi một môi trường xã hội của cá nhân.

Các yếu tố nguy cơ có thể đến từ nhiều chủ thể như cá nhân, gia đình, nhà trường, cộng đồng, nhóm xã hội (bạn bè,...).

Các nguy cơ từ cá nhân:

- Sớm bộc lộ thái độ chống đối xã hội (có tính cách hung hăng và gặp vấn đề trong việc kiểm soát cơn giận dữ)

- Kết quả học tập không tốt, các kỹ năng nhận biết kém phát triển, có vấn đề trong việc lĩnh hội kiến thức, ít hứng thú với trường lớp và việc học, tỷ lệ vắng mặt trên lớp cao và thường xuyên bị nhà trường đuổi học.

- Mắc chứng tăng động

- Khó kiểm soát bản thân, hấp tấp, bốc đồng

- Thể hiện sự yếu kém trong kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phê phán và kỹ năng đọc hiểu và tư duy; không có khả năng nhận biết và lường trước được hậu quả từ một hành động của ai đó; thể hiện sự liều lĩnh thái quá; thất bại trong việc tìm kiếm các giải pháp tích cực cho một vấn đề.

- Ít xuất hiện thái độ đồng cảm

- Có khiếm khuyết về mặt tâm lý (như Chứng thiếu chú ý, Rối loạn tăng động giảm chú ý, Rối loạn thách thức đối lập, Rối loạn ứng xử)

- Sớm có vấn đề về mặt tinh thần hoặc các yếu tố tiền đề của nó (căng thẳng, lo lắng, trầm cảm...)

Các nguy cơ từ gia đình

- Cuộc sống dưới mức nghèo đói

- Có cha mẹ là người phạm tội hoặc có thái độ chống đối xã hội

- Cha mẹ có vấn đề về mặt tâm lý

Phương pháp nuôi dạy con cái không tốt (thiếu giám sát, không thiết lập nên các nguyên

tắc, có thái độ lạnh nhạt và hắt hủi đối với con cái, ít can thiệp vào cuộc sống của đứa trẻ).

- Ngược đãi, lạm dụng tình dục hoặc lạm dụng thân thể đứa trẻ; có thái độ hờ hững.

- Bạo lực gia đình (giữa vợ chồng)

- Gia đình không lành lặn (ví dụ: ly hôn, cha mẹ thường xuyên vắng mặt)

- Cha mẹ vị thành niên

- Gia đình đông thành viên

- Chịu ảnh hưởng tiêu cực từ anh chị em ruột

Các nguy cơ từ nhà trường

- Thiếu sự giáo dục

- Văn hóa trường lớp kém

- Thiếu cơ hội học tập và các phương án thay thế dành cho học sinh khó khăn

- Nội quy lỏng lẻo và không phù hợp.

Các nguy cơ từ cộng đồng

- Sống ở các khu dân cư kém phát triển

- Có những hình mẫu tiêu cực

- Là khu vực tập trung các băng nhóm tội phạm

- Là nơi thiếu các hoạt động giải trí và giao lưu văn hóa

- Khu vực có ít nhu cầu tuyển dụng lao động

- Tỷ lệ tội phạm và bạo lực trong khu vực cao

- Có thể tiếp cận với các loại vũ khí, rượu và ma túy

Các nguy cơ từ bạn bè

- Chơi với bạn bè xấu

- Bị bạn bè xa lánh, hắt hủi

Từ một số góc độ khác chúng ta còn thấy những yếu tố nguy cơ sau:

1. Sự hư tổn hệ thần kinh ở thai nhi: những đứa trẻ được sinh ra bởi những người phụ nữ có các thói quen xấu (hút thuốc, uống rượu, sử dụng ma túy) có nhiều nguy cơ gặp phải hiện tượng này

2. Thiếu quan tâm chăm sóc: ám chỉ việc thiếu sự giám sát về mặt vật chất và tinh thần từ cha mẹ.

3. Cuộc sống chịu ảnh hưởng từ người mẹ: những đứa trẻ có mẹ được nhận trợ cấp và sống độc thân thường có tỷ lệ bỏ học cao. Những người mẹ đông con để có khả năng gặp vấn đề trong cách ứng xử.

Thông thường khi những yếu tố nguy cơ bao quanh một đứa trẻ thì đó là dấu hiệu của sự tăng lên về cơ hội để cho đứa trẻ đó vi phạm pháp luật hoặc phạm tội. Khi gặp những tình huống bất lợi

nhất định trong cuộc sống mà đứa trẻ phải đối mặt thì những yếu tố nguy cơ sẽ phát huy tác hại của nó và có thể dẫn đến việc phạm tội. Chính vì vậy cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa tình huống bất lợi với các yếu tố nguy cơ trong phạm vi cá nhân, gia đình, trường học, cộng đồng mà những đứa trẻ phải chịu đựng, đặc biệt là những đứa trẻ phải sống cùng với những người hàng xóm không mấy tốt đẹp, trong việc thực hiện những hành vi phạm pháp. Hành vi phạm tội hay hành vi có lỗi không chỉ là kết quả của một yếu tố nguy cơ mà nó đến từ sự tương tác của hàng loạt các yếu tố nguy cơ đã có từ trước đó. Khi dự đoán trước các hành vi phạm tội, điều quan trọng nhất là tìm kiếm yếu tố nguy cơ trong mỗi người, nhận ra được những cái mà con người tương tác, có liên hệ trong mối quan hệ nhân quả (hành vi tăng động có thể dẫn tới sự nghèo nàn về học vấn và điều đó có thể mang lại kết quả bỏ học giữa chừng hay dẫn tới những ảnh hưởng tiêu cực trong mối quan hệ bạn bè, thất nghiệp hoặc nghiện hút, đều có thể dẫn tới những hành vi phạm tội,...). Tuy nhiên, không chỉ vì những đứa trẻ phải chịu đựng nhiều đau khổ, nhiều thiệt thòi, nhiều bất lợi mà hành vi phạm tội là không thể tránh được. Nó đơn giản chỉ là những đứa trẻ đó có khả năng phạm tội cao hơn

2. Những học thuyết nền tảng

Nội dung này đề cập trong những giả thiết về nguyên nhân tội phạm đối với các cá nhân cụ thể. Một số học thuyết tiêu biểu về nguyên nhân tội phạm được sử dụng làm nền tảng thiết kế các biện pháp phòng ngừa và xử lý người chưa thành niên phạm tội: 1) Thuyết về tình trạng vô tổ chức và sự căng thẳng; 2) Thuyết về nhóm khác biệt; 3) Thuyết về học hỏi, bắt chước theo xã hội; 4) Thuyết về các yếu tố kiểm soát, các yếu tố liên kết xã hội; 5) Thuyết gán nhãn. Cần nhấn mạnh rằng không có ai sinh ra đã là tội phạm. Nói cách khác thì tội phạm không phải là sản phẩm của bệnh lý cá nhân mà phần lớn là do môi trường xã hội. Ấn ý của những giả thiết này dành cho phòng ngừa tội phạm thông qua sự phát triển xã hội rất rõ ràng: để bảo vệ những đứa trẻ khỏi hành vi phạm tội trong tương lai cần phải thay

đổi những điểm hạn chế trong xã hội (hoặc là ít nhất trẻ em và thanh thiếu niên cần phải được cung cấp các biện pháp bảo vệ cần thiết qua đó có thể giúp chúng phát triển tốt nhất).

Thuyết về tình trạng vô tổ chức và sự căng thẳng: “Tình trạng vô tổ chức” dùng để chỉ một trạng thái mà ở đó những quy tắc xử sự xã hội không rõ ràng hoặc không được thực hiện bởi con người trong xã hội đó. Những biểu hiện của nó như nghèo đói kéo dài, dân cư biến động mạnh, sự suy giảm chức năng của các thiết chế xã hội như gia đình, trường học, nhóm cộng đồng dân cư,... Những hành vi phạm tội được coi là một sản phẩm của tình trạng này, tức là do đặc điểm cấu trúc khu vực dân cư chứ không phải do đặc điểm cá nhân [8]. Đây là khu vực thiếu sự gắn kết xã hội, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau cũng như không thể thực hiện kiểm soát xã hội không chính thức (không dám can thiệp khi thấy trẻ em hư,...). Khi trẻ em sống trong những khu vực như vậy sẽ thiếu sự giám sát xã hội nên dễ bị lôi kéo vào những băng, nhóm; cũng như ít cơ hội giáo dục, vui chơi lành mạnh sẽ dễ dẫn đến những hành vi lệch chuẩn. Trong khi đó thuyết “sự căng thẳng” cũng cho rằng xã hội thông qua sự xung đột và mâu thuẫn giữa mục tiêu của toàn xã hội có thể dẫn đến việc một số người lựa chọn con đường phạm tội. Rất nhiều phương pháp mà phòng ngừa tội phạm thông qua sự phát triển xã hội sử dụng hướng tới những cá nhân và những nhóm người trong xã hội nằm trong nguy cơ có thể phạm tội hoặc có những hành vi phản xã hội có nguyên nhân từ sự căng thẳng. Một trong những mục tiêu của phát triển xã hội là nhằm giảm thiểu những tiền đề có thể dẫn tới sự căng thẳng trong xã hội bằng cách cung cấp cho những người có nguy cơ phạm tội những sự phát triển về xử sự, cảm xúc, giáo dục, dạy nghề và những kỹ năng để 1) nắm lấy cơ hội thành công; 2) tránh những hành vi không đúng mực và 3) chống lại những suy nghĩ tiêu cực có thể dẫn đến việc đổ lỗi cho xã hội hơn là chính những hành vi của mình.

Thuyết về nhóm khác biệt hàm ý rằng những hành vi phạm tội thường xuất phát từ những cộng đồng thường xuyên coi thường pháp luật và bởi sự cô lập với những cộng đồng tuân thủ pháp

luật. Theo lý giải về nguyên nhân của tội phạm dựa trên thuyết về nhóm khác biệt, một trong những phương pháp tốt nhất của phòng ngừa tội phạm thông qua phát triển xã hội đó là nuôi dưỡng những đứa trẻ có nguy cơ trong một môi trường tích cực và lành mạnh. Quan trọng nhất là một cuộc sống với gia đình tốt và ổn định (thông qua việc tập huấn cho bố mẹ hoặc các chương trình trị liệu cho bố mẹ). Một hướng khác trong phương pháp của phòng ngừa tội phạm thông qua phát triển xã hội là có thể đưa những trẻ em có nguy cơ vào sống trong một môi trường tích cực hơn (câu lạc bộ thể thao, trại hè...) để loại bỏ các yếu tố tiêu cực khỏi trẻ. Việc đưa trẻ em và thanh thiếu niên tiếp cận với những người được coi là hình mẫu tích cực cũng có ý nghĩa như vậy. Một số mục tiêu của phòng ngừa tội phạm thông qua phát triển xã hội này hướng tới việc giúp trẻ phục hồi và giúp chúng chống lại những ảnh hưởng tiêu cực từ môi trường.

Thuyết học hỏi, bắt chước theo xã hội cho rằng hành vi phạm tội đều là do học được từ một môi trường sống không tốt và hành vi phạm tội thường xuất phát từ việc quan sát những hành vi phạm tội được thực hiện bởi người khác. Nhiều chương trình phòng ngừa tội phạm thông qua phát triển xã hội cho rằng những hành vi quá khích có thể được tìm thấy ở trẻ thông qua việc đánh giá và có thể được ngăn chặn hoặc chữa trị bằng những biện pháp can thiệp. Nội dung này bao gồm việc kiểm chế cơn giận, kỹ năng giải quyết xung đột, giải quyết vấn đề tích cực, trị liệu, và khả năng để tự nhận biết và tránh khỏi những hành vi bạo lực. Một số nhà trị liệu hành vi cũng đã thành công trong việc giảm những hành vi quá khích và bạo lực. Những chương trình đưa trẻ ra khỏi môi trường bạo lực và đặt chúng vào một môi trường tốt hơn đều dựa trên thuyết nhóm khác biệt và thuyết bắt chước theo xã hội. Nói một cách khác, những chương trình can thiệp mà đưa những trẻ em có nguy cơ tới một mô hình và những người có vấn đề tích cực thì có thể loại bỏ bất kỳ sự tác động của những hình mẫu và hành vi có vai trò tiêu cực (bạo lực) trong cộng đồng của những đứa trẻ ra khỏi chúng.

Thuyết kiểm soát, các yếu tố liên kết xã hội. Thuyết kiểm soát xã hội xuất phát từ giả định

rằng con người vốn có nhu cầu và mong muốn vô hạn, luôn có xu hướng tìm kiếm lợi ích và thỏa mãn tức thời; vì vậy, vi phạm pháp luật là điều có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu thiếu ràng buộc phù hợp. Quan điểm này đặt ra vấn đề trọng tâm không phải là “vì sao một số người phạm tội”, mà là “vì sao đa số con người lại tuân thủ pháp luật”. Hành vi phạm tội - đặc biệt ở người chưa thành niên - được coi là hệ quả của sự suy yếu hoặc vắng mặt của các lực lượng kiểm soát xã hội và tự kiểm soát, bởi hành vi lệch chuẩn thường đem lại lợi ích tức thời hơn so với tuân thủ pháp luật. Có bốn yếu tố kiểm soát xã hội phổ biến - sự gắn bó, sự cam kết, sự tham gia và niềm tin - mỗi yếu tố trong số đó đại diện cho một liên kết khuyến khích sự xã hội hóa tích cực bởi các giá trị nhất định của trẻ em và thiếu niên khi họ lớn lên. Có ít nhất hai sự ngầm định của học thuyết kiểm soát cho biện pháp phòng ngừa tội phạm dựa trên sự phát triển xã hội. Đầu tiên là sự quan trọng của việc thúc đẩy sự gắn bó của một đứa trẻ có nguy cơ với cha mẹ và gia đình cũng như các định chế xã hội quan trọng khác như trường học để tạo thành một chiến lược phòng ngừa tội phạm. Ngụ ý thứ hai tập trung vào sự quan trọng của sự thúc đẩy kiểm soát trong các sáng kiến phòng ngừa tội phạm. Các tiền đề lý luận của một vài chương trình phòng ngừa tội phạm dựa trên sự phát triển xã hội cho rằng những người liên tục phạm tội có mức độ tự kiểm soát thấp và là những người giải quyết vấn đề kém, chấp nhận rủi ro và không nghĩ về hậu quả của hành vi do họ gây ra. Bất kể những nguyên nhân của sự thiếu hụt là gì thì tất cả những điều đề cập trên đều góp phần gây ra các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Trọng tâm của những biện pháp can thiệp trong phòng ngừa tội phạm dựa trên sự phát triển xã hội là trực tiếp giải quyết việc kiểm soát kém bằng việc thúc đẩy kiểm soát, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề tốt, giả định trách nhiệm cá nhân và công nhận hay biết trước về hậu quả của hành động của mình.

Từ góc nhìn kiểm soát xã hội, có thể khẳng định rằng tội phạm do người chưa thành niên thực hiện là kết quả của sự thiếu hụt các mối liên kết xã hội tích cực, khiến các em không có thói quen trong việc tuân thủ luật pháp và chuẩn mực

đạo đức. Điều này gợi mở định hướng chính sách: phòng ngừa tội phạm vị thành niên phải tập trung tăng cường các cơ chế kiểm soát tích cực, củng cố vai trò gia đình – nhà trường – cộng đồng và tạo cơ hội tham gia xã hội một cách chính đáng, nhằm giảm nguy cơ lựa chọn hành vi phạm pháp thay cho con đường tuân thủ pháp luật [9].

Theo thuyết gán nhãn, nguyên nhân quan trọng khiến người chưa thành niên chuyển từ hành vi lệch chuẩn ban đầu sang phạm tội ổn định xuất phát từ phản ứng xã hội, chứ không phải từ bản chất nguy hiểm của họ. Các hành vi lệch chuẩn sơ cấp ở tuổi vị thành niên thường mang tính thử nghiệm và không gắn với bản sắc cá nhân; tuy nhiên, khi bị bắt giữ và xử lý chính thức, cá nhân bị “kịch bản hóa cái xấu”, từ đó hình thành nhận thức bản thân như một người phạm tội [10]. Quá trình gán nhãn tiêu cực này làm đứt gãy các mối quan hệ xã hội lành mạnh và thúc đẩy quá trình chuyển hóa sang lệch chuẩn thứ cấp, khi người trẻ chấp nhận nhãn tội phạm như một bản sắc xã hội mới [11]. Khi nhãn “tội phạm” trở thành vị thế chủ đạo, cơ hội học tập, việc làm và hòa nhập bị thu hẹp, khiến con đường tuân thủ pháp luật trở nên khó tiếp cận hơn so với con đường phạm tội. Ở cấp độ nhóm, cơ chế khuếch đại lệch chuẩn và hoảng loạn đạo đức do truyền thông và dư luận kích hoạt có thể làm gia tăng giám sát, bắt giữ và đẩy người chưa thành niên vào vòng xoáy phạm tội sâu hơn [12-14]. Từ đó, thuyết gán nhãn nhấn mạnh rằng biện pháp can thiệp hình sự sớm đối với người chưa thành niên có thể phản tác dụng, vô tình cố định bản sắc tội phạm và gia tăng nguy cơ tái phạm. Do vậy, chính sách hình sự cần ưu tiên các biện pháp giáo dục - phục hồi tại cộng đồng nhằm hạn chế gán nhãn tiêu cực và bảo đảm cơ hội tái hòa nhập xã hội cho người chưa thành niên.

3. Những mô hình tiêu biểu và xu hướng xử lý hiện tượng người chưa thành niên phạm tội hiện nay

Nghiên cứu này sẽ phân tích hai mô hình cơ bản về phòng ngừa và xử lý người chưa thành niên phạm tội từ góc nhìn quyền trẻ em và xu

hướng hiện nay. Trong bối cảnh nghiên cứu về quyền trẻ em và tuổi chịu trách nhiệm hình sự tối thiểu, có nghiên cứu [15] đã phân tích sâu sắc hai mô hình cơ bản trong hệ thống tư pháp người chưa thành niên: mô hình phúc lợi (welfare approach) và mô hình công lý (justice approach). Những mô hình này không chỉ phản ánh sự phát triển lịch sử của tư pháp người chưa thành niên mà còn thể hiện căng thẳng giữa việc bảo vệ trẻ em và trách nhiệm cá nhân. Phân tích này được xây dựng nhằm làm rõ sự hòa quyện giữa lý thuyết và thực tiễn, đồng thời nhấn mạnh xu hướng hiện đại dưới tác động của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (CRC - Convention on the Rights of the Child).

i) Mô hình phúc lợi (Welfare Approach): Ưu tiên bảo vệ và hỗ trợ

Mô hình phúc lợi coi người chưa thành niên (trẻ em) là những cá nhân dễ bị tổn thương, thiếu năng lực nhận thức và trách nhiệm hình sự, do đó cần sự can thiệp của nhà nước như một “người bảo hộ” (parens patriae) để bảo vệ và hỗ trợ phát triển. Mô hình này xuất phát từ các phong trào cải cách xã hội ở thế kỷ 19-20, nhấn mạnh vào việc giảm thiểu trách nhiệm hình sự để tập trung vào giáo dục, điều trị và tái hòa nhập xã hội thay vì trừng phạt.

Mô hình phúc lợi bắt nguồn từ các luật cứu tế (poor laws) ở Anh và Mỹ, nơi trẻ em nghèo hoặc phạm pháp được coi là “cần được cứu tế” khỏi môi trường xã hội tiêu cực. Cách tiếp cận phúc lợi về cơ bản phủ nhận năng lực và trách nhiệm hình sự của trẻ em dẫn đến việc loại bỏ các quy trình tố tụng hình sự truyền thống. Thay vào đó, những trẻ em dưới tuổi chịu trách nhiệm hình sự tối thiểu không bị truy tố hình sự mà được đưa vào các cơ sở bảo trợ, trường giáo dưỡng hoặc biện pháp hành chính, với mục tiêu “trị liệu” (treatment) để ngăn ngừa tái phạm. Ví dụ, ở Mỹ đầu thế kỷ 20, tòa án người chưa thành niên đầu tiên (Chicago, 1899) áp dụng mô hình này, nơi thẩm phán có quyền rộng rãi để quyết định “lợi ích tốt nhất” cho trẻ mà không cần chứng minh tội lỗi.

Ưu điểm của mô hình này là nhấn mạnh phòng ngừa, như hỗ trợ gia đình và cộng đồng để tránh trẻ em rơi vào vòng tội phạm. Tuy nhiên,

hạn chế của nó thường dẫn đến lạm dụng quyền lực, với trẻ em bị tước quyền tham gia tổ tụng và giam giữ vô thời hạn dưới danh nghĩa “bảo vệ”. Do đó mô hình phúc lợi trong quá trình thực hiện có thể vi phạm quyền trẻ em, đặc biệt quyền được xét xử công bằng theo Điều 40 Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

ii) *Mô hình công lý (Justice Approach): Nhấn mạnh trách nhiệm và quyền tố tụng*

Ngược lại với mô hình phúc lợi, mô hình công lý coi trẻ em từ một độ tuổi nhất định là có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó cần áp dụng các bảo đảm tố tụng công bằng (due process) như người lớn, nhưng với hình phạt nhẹ hơn. Mô hình này phát triển mạnh từ những năm 1960, phản ứng lại sự thất bại của mô hình phúc lợi, và nhấn mạnh tính rắn đẽ, công bằng xã hội.

Mô hình công lý như một sự chuyển dịch từ “bảo vệ” sang “trách nhiệm”, dựa trên lý thuyết “trừng phạt công bằng” (just deserts), nơi trách nhiệm hình sự được gắn với năng lực đạo đức và tự do lựa chọn của trẻ em. Phán quyết của Tòa án Tối cao Mỹ (*Kent v. United States*, 1966; *In re Gault*, 1967; *In re Winship*, 1970) làm mốc quan trọng, yêu cầu áp dụng quyền tố tụng cho trẻ em để tránh lạm dụng. Theo đó: “Cách tiếp cận công lý đặt trách nhiệm hình sự cá nhân vào trọng tâm của mọi xem xét.”, với *độ tuổi chịu trách nhiệm tối thiểu* là ngưỡng để trẻ em chịu trách nhiệm cá nhân, nhưng vẫn được xét xử ở tòa người thành niên với hình phạt giáo dục.

Mô hình này ưu tiên phòng ngừa thông qua rắn đẽ và tái hòa nhập, nhưng vẫn có hạn chế là nó thường dựa trên “huyền thoại” về ý chí tự do, bỏ qua yếu tố xã hội và kinh tế ảnh hưởng đến hành vi trẻ em. Mô hình công lý có thể dẫn đến trừng phạt khắc nghiệt, như ở Mỹ những năm 1980-1990, nơi trẻ em bị xét xử như người lớn. Mô hình này dễ bị lạm dụng để kiểm soát xã hội, thay vì bảo vệ trẻ em thực sự.

iii) Xu hướng hiện nay: Tăng tuổi chịu trách nhiệm hình sự tối thiểu dưới tác động của CRC và áp lực giảm dư luận. CRC thúc đẩy sự hòa hợp giữa mô hình phúc lợi và công lý, ưu tiên phục hồi (restorative justice) và phòng ngừa, nhưng cần giám sát chặt chẽ để tránh lạm dụng. Tóm lại, hai mô hình phúc lợi và công lý phản

ánh căng thẳng giữa bảo vệ và trách nhiệm, với xu hướng hiện nay nghiêng về tăng tuổi chịu trách nhiệm hình sự tối thiểu dưới ảnh hưởng của CRC.

Khái niệm “Năng lực phát triển dần dần của trẻ em” (Evolving Capacities of the Child) là một nguyên tắc cốt lõi trong quyền trẻ em, được giới thiệu lần đầu tiên trong CRC -. Nguyên tắc này sẽ giúp cân bằng giữa cách tiếp cận phúc lợi (welfare) và công lý (justice) trong hệ thống tư pháp dành cho người chưa thành niên. Nó nhấn mạnh rằng trẻ em không phải là những cá nhân bất định mà là những người đang phát triển, với năng lực (capacities) thay đổi theo thời gian, và các quyền của trẻ em phải được điều chỉnh phù hợp để thúc đẩy sự phát triển, bảo vệ và trao quyền cho họ.

Năng lực phát triển dần dần của trẻ em là nền tảng để đảm bảo quyền trẻ em linh hoạt, tôn trọng sự phát triển cá nhân hóa của trẻ. Nó không chỉ bảo vệ trẻ khỏi trách nhiệm quá sớm mà còn trao quyền và dạy trách nhiệm, đặc biệt trong tư pháp người chưa thành niên. Khái niệm này thúc đẩy một hệ thống cân bằng, nơi tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự là công cụ bảo vệ nhưng không cản trở sự trưởng thành. Nếu áp dụng đúng, nó giúp trẻ em trở thành công dân có trách nhiệm, giảm thiểu tái phạm và thúc đẩy công lý phục hồi. Đây là một khuyến nghị mạnh mẽ với các quốc gia nên điều chỉnh luật pháp để phù hợp với nguyên tắc này, dựa trên nghiên cứu về sự phát triển trẻ em.

Việt Nam đã thể hiện sự cam kết mạnh mẽ với quyền trẻ em thông qua việc phê chuẩn CRC sớm thứ hai trên thế giới. Điều này đã thúc đẩy sự chuyển dịch từ mô hình trừng phạt sang mô hình phục hồi (restorative justice), cân bằng giữa phúc lợi (welfare) và công lý (justice).

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) của Việt Nam quy định tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự là 14 tuổi – mức tuổi tương đối cao so với trung bình toàn cầu. Trẻ dưới 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự mà chỉ áp dụng biện pháp hành chính hoặc giáo dục, tránh hình sự hóa trẻ em nhỏ tuổi. Đối với trẻ 14-16 tuổi, chỉ chịu trách nhiệm cho các tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (ví dụ:

giết người, cướp tài sản theo Điều 122), thể hiện sự “chuyển hướng hình sự” (diversion) để ưu tiên giáo dục.

Cải cách lập pháp gần đây với Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (ban hành tháng 11/2024, có hiệu lực từ 1/1/2026) đánh dấu bước tiến lớn, lần đầu tiên thiết lập khung pháp lý chuyên biệt cho hệ thống tư pháp người chưa thành niên. Luật giảm mức án tù tối đa cho trẻ 14-16 tuổi từ 12 năm xuống 9 năm, và cho trẻ 16-18 tuổi từ 18 năm xuống 15 năm; ưu tiên các biện pháp không giam giữ như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ; và áp dụng nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ” (best interests). Các quy định có lợi cho trẻ phạm tội (như giảm án, hoãn thi hành án) đã áp dụng từ tháng 12/2024. Có thể khẳng định đây là “khung pháp lý tiên bộ”, hỗ trợ mục tiêu tái hòa nhập xã hội.

Từ năm 2015, Việt Nam đã tích hợp các biện pháp xử lý chuyển hướng như hòa giải cộng đồng và giáo dục, giảm tỷ lệ người chưa thành niên bị giam giữ. Theo báo cáo của Liên hợp quốc năm 2025, tiến bộ trong bảo vệ trẻ em là “đáng kể”, với sự hỗ trợ từ UNICEF trong đào tạo cán bộ tư pháp, nhân viên xã hội và xây dựng cơ sở dữ liệu.

4. Kết luận

Việc phòng ngừa và xử lý người chưa thành niên phạm tội không chỉ là nhiệm vụ của hệ thống tư pháp hình sự mà là trách nhiệm tổng hợp của toàn xã hội, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết tội phạm học và thực tiễn pháp lý – chính sách. Các học thuyết tiêu biểu (tình trạng vô tổ chức và căng thẳng, nhóm khác biệt, học hỏi xã hội, kiểm soát xã hội, gán nhãn) đã chỉ rõ rằng hành vi phạm tội vị thành niên phần lớn không xuất phát từ “bản chất xấu” bẩm sinh, mà là kết quả của những nhu cầu chính đáng chưa được đáp ứng và sự hiện diện dày đặc của các yếu tố nguy cơ từ cá nhân, gia đình, trường học, bạn bè và cộng đồng. Do đó, mọi biện pháp can thiệp cần hướng tới việc giảm thiểu các yếu tố nguy cơ, tăng cường các yếu tố bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của trẻ em và thanh thiếu niên.

Trong lịch sử, thế giới đã trải qua hai cách tiếp cận chính: mô hình phúc lợi (welfare approach) ưu tiên bảo vệ và trị liệu, và mô hình công lý (justice approach) nhấn mạnh trách nhiệm và thủ tục tố tụng công bằng. Xu hướng hiện đại, dưới ánh sáng của CRC và nguyên tắc “năng lực phát triển dần dần của trẻ em”, đang nghiêng về một mô hình hỗn hợp, lấy phục hồi (restorative justice), chuyển hướng (diversion) và tái hòa nhập xã hội làm trọng tâm, đồng thời vẫn bảo đảm quyền được xét xử công bằng.

Việt Nam, với việc ban hành Luật Tư pháp người chưa thành niên, đã có một bước tiến quan trọng trong việc thể chế hoá mô hình hỗn hợp này: tăng cường các biện pháp không giam giữ, giảm mức án tù tối đa, ưu tiên lợi ích tốt nhất của trẻ em và mở rộng chuyển hướng ngay từ giai đoạn tiền tố tụng. Đây là khung pháp lý tiên bộ, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và đáp ứng được phần lớn khuyến nghị từ các học thuyết tội phạm học hiện đại.

Tuy nhiên, hiệu quả thực tiễn của khung pháp lý mới còn phụ thuộc vào ba yếu tố then chốt:

- 1) Đầu tư nguồn lực cho các chương trình phòng ngừa sớm và can thiệp cộng đồng;
- 2) Đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ tư pháp, cảnh sát, giáo viên, cán bộ lao động – thương binh và xã hội;
- 3) Thay đổi nhận thức xã hội để giảm kỳ thị và nhãn mác tiêu cực đối với trẻ em từng vi phạm pháp luật.

Chỉ khi cả ba yếu tố này được thực hiện đồng bộ, Việt Nam mới có thể chuyển từ cách tiếp cận trừng trị sang cách tiếp cận phát triển, biến những trẻ em, thanh thiếu niên từng lầm lỡ thành những công dân có trách nhiệm và có năng lực đóng góp cho xã hội. Đó chính là mục tiêu cao nhất của một hệ thống tư pháp người chưa thành niên có tính nhân văn và hiệu quả.

Những bước tiến này phản ánh sự chuyển dịch từ các mô hình phúc lợi và mô hình công lý truyền thống sang mô hình hỗn hợp, nơi trẻ em được trao quyền tham gia một cách thực chất trong tố tụng, như quy định quyền tư vấn pháp lý miễn phí trong Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở thực thi, đòi hỏi đầu tư vào hạ tầng, đào tạo và thay đổi nhận thức xã hội. Để khắc phục những hạn chế, Việt Nam nên ưu tiên triển khai luật với sự

hỗ trợ quốc tế, xây dựng dữ liệu quốc gia về tư pháp người chưa thành niên, cũng như thúc đẩy giáo dục cộng đồng về “năng lực phát triển” của trẻ em - những người chưa thành niên. Những nỗ lực này không chỉ bảo vệ quyền trẻ em mà còn góp phần xây dựng xã hội công bằng, bền vững hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] G. Graham, Crime Prevention Strategies in Europe and North America, Helsinki Institute for Crime Prevention and Control, affiliated with the United Nations, Helsinki, 1995, pp. 3.
- [2] National Crime Prevention Centre (Canada), Clear Limits and Real Opportunities: The Keys to Preventing Youth Crime, NCPC, Ottawa, 1995.
- [3] D. P. Farrington, B. C. Welsh, Effects of improved street lighting on crime: a systematic review, Home Office Research Study No. 251, Home Office, London, 2007, pp. 603.
- [4] D. P. Farrington, R. Loeber, Transatlantic replicability of risk factors in the development of delinquency, in: P. Cohen, C. Slomkowski, L.N. Robins (Eds.), Historical and Geographic Influences on Psychopathology, Lawrence Erlbaum, Mahwah, NJ, 1999, pp. 299-329
- [5] D. P. Farrington, B. C. Welsh, Effects of improved street lighting on crime: a systematic review, Home Office Research Study No. 251, Home Office, London, 2007, pp. 604
- [6] D. P. Farrington, B.C. Welsh, Family-based crime prevention, in: L. Sherman, D. Farrington, B. C. Welsh, D. MacKenzie (Eds.), Evidence-Based Crime Prevention, Routledge, New York, 2002, pp. 22-55
- [7] G. A. Wasserman, K. Keenan, R. E. Tremblay, J. D. Coie, T. I. Herrenkohl, R. Loeber, D. Petechuk, Risk and protective factors of child delinquency, in: Child Delinquency Bulletin Series, Office of Juvenile Justice and Delinquency Prevention, U.S. Department of Justice, Washington, DC, 2003
- [8] J. Mitchell Miller, 21st Century Criminology: A Reference Handbook, SAGE Publications, Thousand Oaks, CA, 2009, pp. 312-322
- [9] R. H. Burke, An Introduction to Criminological Theory, 3rd ed., Willan Publishing, Cullompton, 2009, pp. 246-250.
- [10] F. Tannenbaum, Crime and the Community, Columbia University Press, New York, 1938.
- [11] E. Lemert, Social Pathology: A Systematic Approach to the Theory of Sociopathic Behavior, McGraw-Hill, New York, 1951.
- [12] L. Wilkins, Social Deviance, Tavistock, London, 1964.
- [13] J. Young, The Drugtakers: The Social Meaning of Drug Use, Paladin, London, 1971.
- [14] S. Cohen, Folk Devils and Moral Panics: The Creation of the Mods and Rockers, Paladin, London, 1973.
- [15] D. Cipriani, Children's Rights and the Minimum Age of Criminal Responsibility: A Global Perspective, Ashgate, Farnham, 2009, pp. 4-16.
- [16] SAGE Knowledge, Juvenile Delinquency, in: A Reference Handbook - Criminology, SAGE Publications.
<https://sk.sagepub.com/dict/edvol/criminology/chpt/juvenile-delinquency> (accessed on: December 12th, 2025).
- [17] United Nations General Assembly, Convention on the Rights of the Child, Resolution 44/25, 20 November 1989, entered into force 2 September 1990.
- [18] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Luật số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14.
- [19] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Luật số 59/2024/QH15, thông qua ngày 20/11/2024, hiệu lực từ 01/01/2026.
- [20] UNICEF, 50 Years of Progress for Children in Viet Nam: Opportunities and Investments for Future Generations, UNICEF Viet Nam, 2025.
<https://www.unicef.org/vietnam/reports/50-years-progress-children-viet-nam> (accessed on: December 12th, 2025).